TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 25 - 02 – 2020
V/v" Yêu cầu không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Cảnh Tứ
2. Ông Nguyễn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về "Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: xóm 18, xã Ng Ph, huyện Ng L, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: xóm 18, xã Ng Ph, huyện Ng L, tỉnh Nghệ an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Phùng Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, không làm thủ tục

đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xẩy ra gây gỗ, cái vã, xúc phạm lẫn nhau, anh B đã nhiều lần đánh đập cho chị H. Nguyên nhân là do bất động trong quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Từ năm 2015 đến nay, chị H và anh B không còn chung sống với nhau nữa. Nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh B.

Về con chung: Chị và anh B chung sống có 03 con chung là Phạm Thị Nh, sinh ngày 09 tháng 09 năm 1996; Phạm Thị O, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000 và Phạm Văn H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2003. Nay các con Nh và O đều đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường nên chị đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Còn đối với cháu H hiện nay đang sống chung cùng với anh B tại xã Ng Ph, huyện Ng L nên bố mẹ ly hôn thì chị tôn trọng ý kiến của cháu. Nếu cháu H có nguyện vọng sống cùng anh B thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn B thường xuyên vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B vẫn không tham gia nên không thể lấy lời khai của anh B. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chưng cứ nhưng anh B vắng mặt nên Tòa án đã giao thông báo kết quả công khai chứng cứ cho anh B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hooik. Xử không công nhận chị Phùng Thị H và anh Phạm Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2003 cho anh Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Phùng Thị

H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xử không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn B. Anh B cư trú tại xã Ng Ph, huyện Ng L, tỉnh Nghệ an. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Chị Phùng Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc không tiến hành hòa giải và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh B. anh B cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiền hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Phạm Văn B chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh B.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Ng Ph, huyện Ng L, Nghệ An về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B thì có cơ sở khẳng định: Chị H và anh B hiện không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã không chung sống với nhau, bỏ mặc nhau từ năm 2015 đến nay. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xẩy ra gây gỗ, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Vì vậy, chị H không thể tiếp tục sống chung với anh B được nữa. Chị H đề nghị Tòa án xử không công nhận chị và anh B là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phùng Thị H và anh Phạm Văn B chung sống với nhau có 03 con chung là Phạm Thị Nh, sinh ngày 09 tháng 09 năm 1996, Phạm Thị O, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000 và Phạm Văn H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2003, các con chung là Nh và O đã trưởng thành và khỏe mạnh bình thường, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H đề nghị Hồi đồng xét xử giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chị H cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi chú H trưởng thành. Hiện tại cháu H đang sinh sống ổn định với anh B và cháu H có nguyện vọng được sinh sống cùng với anh Phạm Văn B. Xét thấy yêu cầu của chị H và nguyện vọng của cháu H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, chị H cấp dưỡng cháu H nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

[4 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phùng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khaonr 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 127 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị H và anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2003 cho anh Phạm Văn B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Phùng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Phùng Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở. Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của chị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng không được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005811 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trọng thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niệm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Lưu VP/; ;lưu hs